TRẮC NGHIỆM ĐỊA LÍ 10 THEO TỪNG BÀI HỌC CẢ NĂM

CÓ ĐÁP ÁN

Bài 2: Một số phương pháp biểu hiện các đối tượng địa lí trên bản đồ

Câu 1: Biểu hiện các đối tượng phân bố theo những điểm cụ thể là phương pháp nào sau đây?
A. Phương pháp kí hiệu.
B. Phương pháp kí hiệu đường chuyển động.
C. Phương pháp chấm điểm.
D. Phương pháp kí hiệu theo đường.

Câu 2: Phương pháp kí hiệu thường được dùng để thể hiện các đối tượng địa lí có đặc điểm:
A. Phân bố với phạm vi rộng rải
B. Phân bố theo những điểm cụ thể
C. Phân bố theo dải
D. Phân bố không đồng đều

Câu 3: Các đối tượng địa lí nào sau đây thuường được biểu hiện bằng phương pháp kí hiệu:
A Các đường ranh giới hành chính
B. Các hòn đảo
C. Các điểm dân cư
D. Các dãy núi

Câu 4: Dạng kí hiệu nào thường ***không được*** sử dụng trong phương pháp kí hiệu là:
A. Hình học
B. Chữ
C. Tượng hình
D. Dạng đường

Câu 5: Trong phương pháp kí hiệu, sự khác biệt về qui mô và số lượng các hiện tượng cùng loại thường được biểu hiện bằng:
A. Sự khác nhau về màu sắc kí hiệu.
B. Sự khác nhau về kích thước độ lớn kí hiệu.
C. Sự khác nhau về hình dạng kí hiệu.
D. Sự khác nhau về màu sắc và độ lớn kí hiệu.

Câu 6: Phương pháp kí hiệu đường chuyển động thường được dùng để thể hiện các đối tượng địa lí:
A. Có sự phân bố theo những điểm cụ thể.
B. Có sự di chuyển theo các tuyến.
C. Có sự phân bố theo tuyến.
D. Có sự phân bố rải rác

Câu 7: Trên bản đồ tự nhiên, các đối tượng địa lí thường ***không*** thể hiện bằng phương pháp đường chuyển động là:
A. Hướng gió, các dãy núi.
B. Dòng sông, dòng biển.
C. Hướng gió, dòng biển.
D. Hướng chạy các địa hình.

Câu 8: Trên bản đồ kinh tế – xã hội, các đối tượng địa lí thường được thể hiện bằng phương pháp kí hiệu đường chuyển động là:
A. Các nhà máy và sự trao đổi hàng hoá..
B. Các luồng di dân, các luồng vận tải..
C. Biên giới, đường giao thông..
D. Các nhà máy, đường giao thông..

Câu 9: Phương pháp chấm điểm thường được dùng để thể hiện các đối tượng địa lí có đặc điểm:
A. Phân bố phân tán, lẻ tẻ. **B.** Phân bố tập trung theo điểm.
C. Phân bố theo tuyến. **D.** Phân bố ở phạm vi rộng.
Câu 10: Phương pháp bản đồ – biểu đồ thường được dùng để thể hiện:
A. Chất lượng của 1 hiện tượng địa lí trên 1 đơn vị lãnh thổ.
B. Giá trị tổng cộng của 1 hiện tượng địa lí trên 1 đơn vị lãnh thổ.
C. Cơ cấu giá trị của 1 hiện tượng địa lí trên 1 đơn vị lãnh thổ.
D. Động lực phát triển của 1 hiện tượng địa lí trên 1 đơn vị lãnh thổ.
Câu 11: Để thể hiện các mỏ than trên lãnh thổ nước ta người ta thường dùng phương pháp:
A. Kí hiệu đường chuyển động **B.** Vùng phân bố
C. Kí hiệu **D.** Chấm điểm
Câu 12: Để thể hiện số lượng đàn bò của các tỉnh ở nước ta người ta thường dùng phương pháp:
A. Kí hiệu **B.** Chấm điểm
C. Bản đồ – biểu đồ **D.** Vùng phân bố
Câu 13: Để thể hiện qui mô các đô thị lớn ở nước ta người ta thường dùng phương pháp:
A. Kí hiệu **B.** Bản đồ – biểu đồ
C. Vùng phân bố **D.** Chấm điểm
Câu 14: Thể hiện trên bản đồ vùng có nhiều sắt, than đá, than nâu thì dùng kí hiệu nào?
A. Tượng hình. **B.** Kí hiệu chữ.
C. Kí hiệu hình học. **D.** Kí hiệu đường chuyển động.
Câu 15: Kí hiêu chữ thường dùng để thể hiện các đối tượng địa lí nào trên bản đồ?
A. Rừng nhiệt đới, ôn đới. **B.** Than nâu, than đá.
C. Vàng, chì, crôm. **D.** Vùng chăn nuôi.
Câu 16: thể hiện hướng gió, dòng biển, luồng di cư với tốc độ, khối lượng khác nhau, đó là phương pháp:
A. Chấm điểm. **B.** Kí hiệu.
C. Kí hiệu đường chuyển động. **D.** Khoanh vùng.

Bài 3: Sử dụng bản đồ trong học tập và đời sống

Câu 17: Trong học tập, bản đồ là một phương tiện để học sinh:
A. Học thay sách giáo khoa
B. Học tập, rèn luyện các kĩ năng địa lí
C. Thư giản sau khi học xong bài
D. Xác định vị trái các bộ phận lãnh thổ học trong bài
Câu 18: Một trong những căn cứ rất quan trọng để xác định phương hướng trên bản đồ là dựa vào:
A. Mạng lưới kinh vĩ tuyến thể hiện trên bản đồ
B. Hình dáng lãnh thổ thể hiện trên bản đồ
C. Vị trí địa lí của lãnh thổ thể hiện trên bản đồ

D. Dựa vào bảng chú giải
Câu 19: Bản đồ là một phương tiện để
A. Học sinh dùng học tập.
B. Học sinh đi đường.
C. Đi chơi.
D. Đi du lịch.
Câu 20: Theo quy ước thì đầu trên của kinh tuyến chỉ
A. hướng Nam.
B. hướng Bắc.
C. hướng Đông.
D. chỉ đường.
Câu 21 : Một quốc gia chạy dài theo kinh tuyến nằm giữa vĩ độ: 30^0B và 43^0B. Vậy quốc gia đó nằm trên mấy vĩ tuyến.
A. 12^0B. **B.** 13^0B. **C.** 30^0B. **D.** 43^0B
Câu 22: Muốn xác định hướng Bắc của bản đồ phải căn cứ vào:
A. Hướng phía trên của tờ bản đồ.
B. Dựa vào các đường kinh tuyến.
C. Mũi tên chỉ hướng Bắc ở trên bản đồ.
D. Dựa vào kinh tuyến và mũi tên chỉ hướng Bắc.
Câu 23: Trong việc sử dụng bản đồ, Atlat: Nội dung nào không nằm trong các vấn đề cần phải lưu ý khi sử dụng bản đồ trong học tập.
A. Bản đồ có nội dung phù hợp.
B. Tìm hiểu tỉ lệ và kí hiệu bản đồ.
C. Xác định phương hướng bản đồ.
D. Kết hợp các loại bản đồ có nội dung liên quan.
Câu 24: Một bản đồ có tỉ lệ 1/ 2.000.000. Vậy 1cm trên bản đồ tương ứng với bao nhiêu km ngoài thực địa.
A. 2 km. **B.** 20 km. **C.** 200 km. **D.** 2000 km.
Câu 25: Một quốc gia trải dài 13 vĩ độ thì tương ứng bao nhiêu km.
A. 1344,2 km.
B. 1434,3 km.
C. 1444,3 km.
D. 1443,5 km.

BÀI 5. VŨ TRỤ. HỆ MẶT TRỜI VÀ TRÁI ĐẤT. HỆ QUẢ CHUYỂN ĐỘNG TỰ QUAY QUANH TRỤC CỦA TRÁI ĐẤT

Câu 1: Thành phần cấu tạo của mỗi thiên hà bao gồm
A. các hành tinh, khí, bụi.
B. các thiên thể, khí, bụi và bức xạ điện từ.
C. các ngôi sao, hành tinh, vệ tinh, sao chổi.
D. các hành tinh và các vệ tinh của nó.
Câu 2: Nhận định nào dưới đây **chưa chính xác** về hệ Mặt Trời?
A. Mặt Trời là thiên thể duy nhất có khả năng tự phát sáng
B. Mọi hành tinh đều có khả năng phản chiếu ánh sáng Mặt Trời

C. Mọi hành tinh và vệ tinh đều có khả năng tự phát sáng
D. Trong hệ Mặt Trời tất cả các hành tinh đều chuyển động tự quay
Câu 3: Khoảng cách trung bình từ Trái Đất đến Mặt Trời là:
A. 149,6 nghìn km **B.** 149,6 triệu km
C. 149,6 tỉ km **D.** 140 triệu km
Câu 4: Trong khi Trái Đất tự quay quanh trục những địa điểm không thay đổi vị trí là
A. hai cực **B.** Chí tuyến
C. Vòng cực Đ. Xích đạo
Câu 5: Nhận định nào dưới đây là **chưa chính xác** về vận tốc chuyển động của Trái Đất quanh Mặt Trời?
A. Lớn nhất khi ở gần điểm cận nhật
B. Nhỏ nhất khi ở điểm viễn nhật
C. Nhỏ hơn so với vận tốc tự quay của Trái Đất
D. Lớn hơn so với vận tốc tự quay của Trái Đất
Câu 6: Nguyên nhân ngày và đêm luôn luân phiên trên bề mặt Trái Đất?
A. Trái Đất hình khối cầu và tự quay quanh trục
B. Trái Đất tự quay trục và chuyển động quanh Mặt Trời
C. Các tia sáng từ Mặt Trời chiếu song song đến bề mặt Trái Đất
D. Trái Đất hình khối cầu và được Mặt Trời chiếu sáng
Câu 7: Do Trái Đất hình cầu và tự quay quanh trục từ Tây sang Đông nên trong cùng một thời điểm
A. người đứng ở các vĩ tuyến khác nhau sẽ nhìn thấy mặt trời ở độ cao khác nhau
B. người đứng ở các kinh tuyến khác nhau sẽ nhìn thấy mặt trời ở độ cao khác nhau
C. ở phía Tây sẽ thấy Mặt Trời xuất hiện sớm hơn
D. mọi nơi trên Trái Đất sẽ thấy vị trí của Mặt Trời trên bầu trời giống nhau
Câu 8: Giờ quốc tế GMT được lấy theo giờ của
A. Múi giờ số 0 **B.** Múi giờ số 1
C. Múi giờ số 23 **D.** Múi giờ số 7
Câu 9: Quốc gia có nhiều múi giờ đi qua lãnh thổ nhất là:
A. Trung Quốc **B.** Hoa Kì **C.** Nga **D.** Canada
Câu 10: Đường chuyển ngày quốc tế được qui ước lấy theo kinh tuyến:
A. 0^0 **B.** 90^0 **C.** 180^0
D. 360^0
Câu 11: Theo qui ước nếu đi từ phía Tây sang phía Đông qua đường chuyển ngày quốc tế thì
A. tăng thêm 1 ngày lịch **B.** lùi lại 1 ngày lịch

C. không thay đổi ngày lịch **D.** tuỳ theo qui định của mỗi quốc gia

Câu 12. Vũ trụ là khoảng không gian vô tận chứa

A. các thiên hà **B. Hệ Mặt trời** **C. Dải Ngân Hà** **D. Các thiên thể**

Câu 13. Hệ Mặt Trời là tập hợp các thiên thể nằm trong

A. Thiên hà **B. Ngân Hà** **C. Dải Ngân Hà** **D.Vũ Trụ**

Câu 14. Trái đất là một hành tinh trong Hệ Mặt trời nằm ở vị trí

A. thứ 2 **B. thứ 3** **C. thứ 4** **D. thứ 5**

Câu 15. Một trận bóng đá ở Tây Ban Nha (múi giờ +1) khai mạc vào lúc 19h GMT ngày 6/1, vậy ở Việt Nam được xem truyền hình trực tiếp vào lúc

A. 19h ngày 6/1 **B. 1h ngày 6/1** **C. 1h ngày 7/1** **D. 19h ngày 7/1**

Câu 16. Hãy tính giờ và ngày ở Việt Nam, biết rằng ở thời điểm đó giờ GMT đang là 24h ngày 31/12/2015

A. 7h ngày 31/12/2015 **B. 7h ngày 01/01/2016**

C. 24h ngày 31/12/05 **D. 24h ngày 31/12/2016**

Câu 17: Cùng một lúc Trái Đất có mấy chuyển động

A. 1 **B.** 2 **C.** 3 **D.** 4

Câu 18: Khi chuyển động trên quỹ đạo, trục Trái Đất nghiêng và không đổi phương so với mặt phẳng một góc

A. $33^0 33'$ **B.** $36^0 36'$ **C.** $33^0 63'$ **D.** $66^0 33'$

Câu 19: Vận tốc chuyển động trung bình của Trái Đất quanh Mặt Trời là

A. 28,9 Km/s **B.** 29,8 Km/s **C.** 30,2 Km/s D .32,0Km/s

Câu 20: Theo quy ước, người ta chia bề mặt Trái Đất thành bao nhiêu múi giờ?

A. 12 **B.** 16 **C.** 20 **D.** 24

Câu 21: Khoảng cách mỗi múi giờ rộng

A. 7,5 Kinh độ **B.** 15 Kinh độ **C.** 7,5 vĩ độ **D.** 15 vĩ độ

Câu 22: Ở vị trí gần Mặt Trời nhất là

A. Hỏa tinh **B.** Mộc tinh **C.** Kim tinh **D.** Thủy tinh

Câu 23: Tính chất nào sau đây **không phải** của các hành tinh trong Hệ Mặt Trời?

A. Là khối vật chất trong vũ trụ **B.** Chuyển động tự quay

C. Chuyển đông quanh Mặt Trời **D.** Tự phát ra sáng

Câu 24: Đặc điểm nào **không đúng** khi Trá Đất chuyên động quanh Mặt Trời?

A. Vận tốc Trái Đất không điều

B. Chuyển động tự quay quanh trục